

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI PHÁT

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI PHÁT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2021

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ, viết tắt	3
Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản.....	4
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.	5
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	5
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	6
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.	7
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.	8
Điều 11. Nguyên tắc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	8
Điều 12. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử, giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Các quy định về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	9
Điều 14. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	9
Điều 15. Ủy ban kiểm toán.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty.....	10
CHƯƠNG IV. TỔNG GIÁM ĐỐC	10
Điều 17. Vai trò trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	10
Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và các quy định khác liên quan đối với Tổng Giám đốc.	10
CHƯƠNG V. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	10
Điều 19. Nguyên tắc phối hợp.....	10
Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.....	11

Điều 21. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty.	12
CHƯƠNG VI. XỬ LÝ VI PHẠM.....	12
Điều 22. Xử lý vi phạm	12
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	13
Điều 23. Hiệu lực của Quy chế.....	13

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát (“Công ty”) quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Những nội dung chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi các quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. Trong trường hợp Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan không có quy định điều chỉnh các vấn đề nêu tại Khoản 1 kể trên thì Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng các quy định để điều chỉnh công tác quản trị nội bộ của công ty trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận, cá nhân liên quan khác của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ, viết tắt

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - b. “**Công ty**” là Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát;
 - c. “**Điều lệ**” là Điều lệ cổ phần Đầu tư Hải Phát đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm Quy chế này có hiệu lực;
 - d. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020;
 - e. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019;
 - f. “**Người quản lý Công ty/Người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và xác định là người điều hành của Công ty;
 - g. “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - h. “**Thành viên hội đồng quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và xác định là người điều hành của Công ty;

- i. **“Thành viên độc lập Hội đồng quản trị/Thành viên độc lập”** là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- j. **“Quản trị Công ty”** là hệ thống các nguyên tắc, quy định, thể chế, trình tự, và bộ máy tổ chức nhằm mục đích: Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan, Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông, Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- k. **“ĐHĐCĐ”** là Đại hội đồng cổ đông;
- l. **“Đại hội”** là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- m. **“HĐQT”** là Hội đồng quản trị;
- 2. Trong Quy chế này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
- 3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.
- 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, quản trị Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ;
- 2. Đảm bảo cơ cấu, tổ chức quản trị có hiệu quả;
- 3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- 5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Công ty;
- 6. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- 7. Đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty có hiệu quả;
- 8. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ Công ty, quy định Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam, ngoài ra cổ đông công ty còn có các quyền sau đây :
 - a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ và Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.
4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ.
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ và Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp thực hiện theo Điều 16 Điều lệ và quy định của Luật Doanh nghiệp.
7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty thiết lập bộ phận chuyên trách thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và bộ phận này phải đảm bảo cho các cổ đông thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự thủ tục quy định tại Khoản 1, Điều 20 Điều lệ.

8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ.
9. Hình thức thông qua Nghị quyết thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ.
10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết
 - 10.1. Việc biểu quyết có thể thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín và/hoặc Thẻ biểu quyết và được quy định cụ thể tại Thẻ lệ biểu quyết của từng kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 10.2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Với trường hợp bỏ phiếu kín sẽ chỉ nhận phiếu đến thời điểm trước khi niêm phong hòm phiếu hoặc trước khi Ban Kiểm phiếu tuyên bố chấm dứt việc bỏ phiếu.
11. Cách thức kiểm phiếu
 - 11.1. Trường hợp Thẻ biểu quyết: Đoàn Chủ tọa tiến hành đếm số phiếu tại Đại hội và Ban Thư ký có trách nhiệm tổng hợp, ghi nhận vào Biên bản họp tại Đại hội
 - 11.2. Trường hợp bỏ Phiếu kín: Ban Kiểm phiếu tổ chức kiểm phiếu. Toàn bộ Phiếu biểu quyết sau khi kiểm phiếu phải được lưu giữ tập trung tại Công ty theo quy định của pháp luật.
12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu và tỷ lệ tán thành đối với từng vấn đề được đệ trình tại Đại hội.
13. Điều kiện đề nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ.
14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ.
15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ.
16. Công bố nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty không phân biệt vấn đề thông qua.

2. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

1. Hội đồng quản trị quyết định việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và pháp luật có liên quan trong đó bao gồm nhưng không giới hạn việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các Quy chế kể cả sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế bỏ phiếu điện tử (thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD")) quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này và các Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ.

Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 05 (năm) người và tối đa là 11 (Mười một) người. Tùy từng thời điểm Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT được quy định cụ thể tại Điều Khoản 4, Điều 25 Điều lệ.

4. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, điều phối của Chủ tịch HĐQT. Thành viên HĐQT đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật trong trường hợp không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình gây thiệt hại cho Công ty.
2. HĐQT có quyền ban hành quy chế, quy định phân cấp, phân quyền cho các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc tại cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của HĐQT trong quá trình điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm dành thời gian nghiên cứu các tài liệu họp đã được gửi trước đó kèm Thông báo họp HĐQT, tham dự họp đúng giờ và đúng thời lượng đã đăng ký cho từng buổi họp. Việc ấn định thời lượng cuộc họp do Chủ tịch HĐQT quyết định căn cứ vào nội dung và khối lượng công việc cần giải quyết trong mỗi kỳ họp.
4. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong Công ty.

Điều 11. Nguyên tắc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT có quyền ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong trường hợp vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình theo quy định tại Khoản 5, Điều 29 Điều lệ.
2. Trong quá trình thực hiện ủy quyền, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung được ủy quyền theo các quy định của pháp luật và các văn bản nội bộ khác về quản lý và điều hành của Công ty.

Điều 12. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử, giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử viên HĐQT; tỷ lệ đề cử ứng viên HĐQT của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết thực hiện theo quy định sau:
 - a. Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b. Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- c. Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d. Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - e. Từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - f. Từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - g. Từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - h. Từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên HĐQT bao gồm:
- a. Đơn đề cử, ứng cử vào chức danh HĐQT (theo mẫu tài liệu hợp ĐHCĐ);
 - b. Sơ yếu lý lịch cá nhân (theo mẫu tài liệu hợp ĐHCĐ);
 - c. Bản sao công chứng CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu;
 - d. Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ ;
 - e. Các khác do HĐQT quy định (nếu có).

Điều 13. Các quy định về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

- 1. Bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ, Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp
- 2. Miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
- 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Điều 28 Điều lệ.

Điều 14. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ.

Điều 15. Ủy ban kiểm toán

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo quy định của Điều 38 Điều lệ, Điều 161 Luật Doanh nghiệp.
2. Ứng cử, đề cử, thành phần Ủy ban Kiểm toán được thực hiện theo quy định của Điều 36, Điều 37 Điều lệ.
3. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán
Hoạt động của Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 40 Điều lệ.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty

1. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị được quy định tại Điều 32 Điều lệ.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần theo quy định tại Điều lệ, các quy định hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
3. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Vai trò trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều 34, Điều 35 Điều lệ.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và các quy định khác liên quan đối với Tổng Giám đốc.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương và lợi ích của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều 35 Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

CHƯƠNG V. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 19. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành và vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ và pháp luật.
3. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm báo cáo HĐQT các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Công ty.
4. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì.
5. Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, trung tâm, Giám đốc các đơn vị liên quan tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu có).
6. Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian nhanh nhất.
7. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.
8. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp:
 - (i) Môi quan hệ giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- (ii) Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
- (iii) Ủy ban kiểm toán được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
- (iv) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán.

Điều 21. Đánh giá đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty.

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý trong Công ty có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
 - a. Tự nhận xét đánh giá;
 - b. Đánh giá hoạt động định kỳ 6 tháng;
 - c. Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - d. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
 - Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên HĐQT, Người quản lý.

CHƯƠNG VI. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Công ty (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý trong Công ty) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Công ty, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực của Quy chế

1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Khi áp dụng thực hiện, nếu có sự mâu thuẫn giữa Quy chế so với Điều lệ thì Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động quản trị của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
4. Quy chế này gồm có 7 chương 23 Điều đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày..../..../2021 Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát thông qua theo Nghị quyết số..... Quy chế này thay thế cho Quy chế về quản trị nội bộ công ty đã được ban hành theo Quyết định số 22/2018/QĐ-HĐQT ngày 02/5/2018.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Quý Hải

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU QUY CHẾ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ngày 26/06/2021)

QUY CHẾ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng.

Quy chế này quy định về việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (sau đây gọi là đợt biểu quyết) của Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát (sau đây gọi là Công ty).

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Bỏ phiếu điện tử** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (sau đây gọi tắt là hệ thống V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là VSD) là đơn vị được Công ty ký kết cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.

- **Bỏ phiếu truyền thống** là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại đại hội.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện, cách thức cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử.

1. Điều kiện tham gia

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do VSD lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đã thực hiện kích hoạt tài khoản truy cập theo thông báo của VSD.

2. Cách thức thực hiện

- Cổ đông là cá nhân và tổ chức trong nước thực hiện bỏ phiếu điện tử trực tiếp trên hệ thống V-Vote.

- Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống V-Vote thông qua ủy quyền cho Tổ chức đại diện.

Điều 4. Cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

Việc cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử của cổ đông được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành.

Điều 5. Ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử.

1. Việc ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử chỉ áp dụng đối với trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho tổ chức đại diện thực hiện bỏ phiếu điện tử.

2. Trình tự, thủ tục ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành.

Điều 6. Kết quả bỏ phiếu điện tử.

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi VSD.

2. Kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp được giữ nguyên niêm phong của VSD và được Ban Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đưa ra cho toàn thể Đại hội chứng kiến tại thời điểm khai mạc Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu được ĐHCĐ thông qua tại Đại hội hoặc Ban kiểm phiếu được Hội đồng quản trị đề cử tại đợt Lây ý kiến cổ đông bằng văn bản là người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

4. Các cổ đông chỉ được chọn biểu quyết theo hình thức Bỏ phiếu điện tử hoặc thực hiện Bỏ phiếu truyền thống. Các cổ đông đã thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hợp lệ sẽ không được thực hiện việc Bỏ phiếu truyền thống hoặc không được tính vào kết quả biểu quyết nếu cổ đông này vẫn thực hiện Bỏ phiếu truyền thống, trừ trường hợp việc Bỏ phiếu truyền thống để biểu quyết đối với các nội dung biểu quyết được sửa đổi, bổ sung tại ĐHCĐ.

5. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHCĐ thường niên sẽ được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống V-Vote và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông trực tiếp dự họp tại ĐHCĐ.

6. Trường hợp tại cuộc họp ĐHCĐ, các cổ đông tham gia họp trực tiếp đồng ý **sửa đổi** nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công Ty đã thông báo trước khi thực hiện Bỏ phiếu điện tử thì số phiếu của các cổ đông đã tham gia Bỏ phiếu điện tử đối với nội dung này sẽ được tính là phiếu “Không có ý kiến”.

7. Trường hợp tại cuộc họp ĐHCĐ, các cổ đông tham gia họp trực tiếp đồng ý **bổ sung** nội dung biểu quyết mới hoặc bỏ nội dung biểu quyết khiến số lượng các nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công Ty đã thông báo trước khi thực hiện Bỏ phiếu điện tử, việc tính tổng số lượng phiếu biểu quyết tại ĐHCĐ được thực hiện như sau:

a. Nội dung biểu quyết được **bổ sung** thêm vào chương trình họp ĐHĐCĐ: Tổng số phiếu biểu quyết đối với nội dung bổ sung thêm sẽ bao gồm toàn bộ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp Bỏ phiếu truyền thống.

b. Nội dung biểu quyết **bị loại bỏ** khỏi chương trình họp ĐHĐCĐ: Toàn bộ phiếu biểu quyết của cổ đông đã thực hiện Bỏ phiếu điện tử sẽ không có hiệu lực đối với nội dung bị loại bỏ khỏi chương trình họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia bỏ phiếu điện tử.

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Vẫn có thể trực tiếp dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay cả khi đã thực hiện bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp này kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị hủy bỏ.

3. Phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

4. Được sử dụng tài khoản truy cập do VSD cấp để đăng nhập vào hệ thống V-Vote và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.

5. Trường hợp cổ đông nước ngoài ủy quyền bỏ phiếu điện tử cho tổ chức đại diện, Cổ đông và tổ chức đại diện chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là người chịu trách nhiệm đối với các quy định nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do VSD cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống V-Vote của VSD. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của cổ đông do VSD cung cấp chính thức sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông và VSD liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện qua tài khoản truy cập của Cổ đông trên hệ thống V-Vote của VSD.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 8. Điều khoản khác.

Các nội dung khác liên quan đến điều kiện tiên hành đợt biểu quyết, cách thức

tiến hành biểu quyết, thông qua Quyết định của đợt biểu quyết và trường hợp tổ chức đợt biểu quyết không thành được thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế có thể quyết định hình thức tổ chức ĐHĐCĐ bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử kết hợp với bỏ phiếu truyền thống.

Điều 9. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế này gồm 3 chương, 9 điều và có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia bỏ phiếu điện tử đối với các đợt bỏ phiếu của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Quý Hải